

Số: 54 /2026/QĐ-CTUBND

Vĩnh Long, ngày 11 tháng 6 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

**Phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Long**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 52/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Long.

## Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Long.

2. Thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công đã được quy định cụ thể trong Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công thì thực hiện theo quy định của Nghị định số 186/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi là cơ quan cấp tỉnh).
2. Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.
3. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.
4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã).
5. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Long.

## **Điều 3. Nguyên tắc phân cấp**

1. Việc phân cấp phải bảo đảm sự quản lý thống nhất, toàn diện, xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan, bảo đảm tuân thủ các quy định của Nhà nước và của tỉnh về quản lý, sử dụng tài sản công.
2. Việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Long được thực hiện công khai, minh bạch; sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí; mọi hành vi vi phạm phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

## **Chương II**

### **PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG**

**Điều 4. Thẩm quyền quyết định giao tài sản bằng hiện vật (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6, Điều 44 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP**

1. Sở Tài chính quyết định giao tài sản công cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh, cấp xã (trừ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này).
2. Cơ quan cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư) quyết định giao tài sản công cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.
3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao tài sản công cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 5. Thẩm quyền quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh theo quy định tại khoản 3 Điều 10, Điều 45 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP**

1. Cơ quan cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư) quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại cơ quan, đơn vị mình và tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đối tượng, mức khoán kinh

phí sử dụng máy móc, thiết bị cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 6. Thẩm quyền quyết định điều chuyển, bán vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 13 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi tại điểm a khoản 3 Điều 44 Nghị định số 52/2026/NĐ-CP)**

1. Sở Tài chính quyết định điều chuyển vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu sử dụng.

2. Cơ quan cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư) quyết định bán vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công tại cơ quan, đơn vị mình và của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 7. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công theo quy định tại điểm b khoản 6, điểm b khoản 8, điểm c khoản 10 Điều 14, điểm b khoản 6, điểm b khoản 8, điểm b khoản 10 Điều 50 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP**

1. Cơ quan cấp tỉnh quyết định khai thác tài sản công tại cơ quan mình và tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư) quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị mình và đơn vị trực thuộc (nếu có).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định khai thác tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 8. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) theo quy định tại khoản 3 Điều 17, khoản 2 Điều 56 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP**

1. Sở Tài chính quyết định thu hồi tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh (bao gồm cả tài sản công do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh quản lý, sử dụng) (trừ quy định tại khoản 2 Điều này).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 9. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô), theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 20, khoản 2 Điều 57 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP**

1. Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản: giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; tài sản giữa cấp tỉnh và cấp xã; tài sản giữa các xã, phường (bao gồm cả tài sản công do

Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh quản lý, sử dụng) (trừ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này).

2. Cơ quan cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư) quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Đơn vị sự nghiệp tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công tại đơn vị mình và tài sản công tại các tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chuyển tài sản công giữa cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

**Điều 10. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công là tài sản cố định (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 22, điểm b khoản 2 Điều 58 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP**

1. Sở Tài chính quyết định bán tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh đối với: xe ô tô; tài sản khác có nguyên giá từ 01 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại từ 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán.

2. Cơ quan cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư) quyết định bán tài sản công (trừ xe ô tô) tại cơ quan, đơn vị mình và tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản: có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán (trừ tài sản có nguyên giá dưới 250 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi mình quản lý).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản công (trừ xe ô tô) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán (trừ tài sản có nguyên giá dưới 250 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi mình quản lý).

**Điều 11. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định theo quy định tại khoản 2 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 59 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP**

1. Đối với tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp:

a) Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản đối với danh mục tài sản đề nghị thanh lý có tổng nguyên giá từ 05 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

b) Cơ quan cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư) quyết định thanh lý tài sản đối với danh mục tài sản đề nghị thanh lý có tổng nguyên giá dưới 05 tỷ đồng tại cơ quan, đơn vị mình và tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi mình quản lý).

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản đối với danh mục tài sản đề nghị thanh lý có tổng nguyên giá dưới 05 tỷ đồng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi mình quản lý).

## 2. Đối với xe ô tô và tài sản công khác:

a) Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh đối với: xe ô tô; tài sản khác có nguyên giá từ 01 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại từ 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán.

b) Cơ quan cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư) quyết định thanh lý tài sản công (trừ xe ô tô) tại cơ quan, đơn vị mình và tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản: có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán (trừ tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi mình quản lý).

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản công (trừ xe ô tô) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán (trừ tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi mình quản lý).

**Điều 12. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) theo quy định tại**

**khoản 2 Điều 32, khoản 1 Điều 60 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP**

1. Sở Tài chính quyết định tiêu hủy tài sản công có nguyên giá từ 01 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

2. Cơ quan cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư) quyết định tiêu hủy tài sản công có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản tại cơ quan, đơn vị mình và tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu hủy tài sản công có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 13. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công là tài sản cố định theo quy định tại khoản 2 Điều 34, khoản 2 Điều 61 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP**

1. Sở Tài chính quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công là tài sản cố định có nguyên giá từ 01 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

2. Cơ quan cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư) quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công là tài sản cố định có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản tại cơ quan, đơn vị mình và tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công là tài sản cố định có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 14. Thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP**

1. Sở Tài chính quyết định phê duyệt Đề án tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Cơ quan cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt Đề án tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt Đề án tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 15. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP**

Thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy đối với tài

sản phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại, bán tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13 Quyết định này.

### **Chương III** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 16. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **21** tháng **6** năm 2026.

#### **Điều 17. Trách nhiệm thi hành**

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện quyết định này; theo dõi, hướng dẫn, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện việc phân cấp đến cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quyết định được phân cấp tại Quyết định này có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nội dung được phân cấp công khai, minh bạch, hiệu quả và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; hàng năm tổng hợp báo cáo, đánh giá kết quả việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được phân cấp gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo cấp thẩm quyền theo quy định.

3. Trình tự, thủ tục khai thác, xử lý tài sản công thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15, Nghị định số 186/2025/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *HL*

#### **Nơi nhận:**

- Như khoản 4 Điều 17;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Thống kê tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp (cập nhật cơ sở dữ liệu);
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin điều hành;
- Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT, TH.

**CHỦ TỊCH**



**Trần Trí Quang**